TIẾNG ANH 9

WORD FORM

UNIT 9

Solution: giải pháp	_____: giải quyết		
_____: sự ồn ào		Noisy: ồn ào	_____: ồn ào
_____: sự lựa chọn	Choose: chọn lựa		
Success: sự thành công	_____: thành công	_____: thành công	_____: một cách thành công
_____: sự phun trào	Erupt: phun		
_____: lời tiên đoán	Predict: tiên đoán	_____: có thể đoán trước _____: không thể đoán trước	
_____: sự an toàn		Safe; an toàn	_____: một cách an toàn
_____: sức mạnh	_____: trở nên mạnh hơn	Strong: mạnh mẽ	_____: một cách mạnh mẽ
Tide: thủy triều		_____: thuộc về thủy triều	
_____: vùng nhiệt đới		Tropical: thuộc về nhiệt đới	
Volcano: núi lửa		_____: thuộc về núi lửa	

LIVEWORKSHEETS